

Số: A772/VIET&CO-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Tổng Giám đốc CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 7 tháng 5 năm 2017, từ trung 04 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính")

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không;

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính;

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ sự ảnh hưởng của hạn chế phạm vi kiểm toán nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Diệu
Phó Giám Đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0825-2016-252-1
Thay mặt và đại diện cho
Công Ty TNHH Kiểm Toán Việt & Co
Thành viên độc lập của Morison KSI
Ngày 7 tháng 5 năm 2017

Trần Lâm Minh Quyền
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1194-2016-252-1

3899
CÔNG
TY
KIỂM
TOÁN
VIỆT
&
CO
PHỤ

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
I	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4,050,541,802,989	3,839,022,679,839
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		200,219,888,102	148,624,728,267
1. Tiền	111	V.1	200,219,888,102	148,624,728,267
1. Chứng khoán kinh doanh	121		2,366,000,000	2,366,000,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(2,366,000,000)	(2,366,000,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3,053,692,502,168	3,235,155,953,125
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	189,362,587,862	145,782,287,474
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3b	12,361,104,827	12,937,896,873
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	2,872,005,632,493	3,100,487,299,902
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(20,060,666,553)	(24,075,374,663)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		23,843,539	23,843,539
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	796,602,775,627	454,759,337,351
1. Hàng tồn kho	141		796,602,775,627	454,759,337,351
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		26,637,092	482,661,096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	-	480,784,091
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	26,637,092	1,877,005
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,551,197,826,275	1,599,763,027,052
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		7,533,180,810	29,115,430,810
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	19,500,250,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	7,533,180,810	9,615,180,810
II. Tài sản cố định	220		1,143,859,486,507	1,190,828,435,734
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	258,044,107,598	311,277,438,826
- Nguyên giá	222		686,942,269,868	678,493,622,677
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(428,898,162,270)	(367,216,183,851)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	885,815,378,909	879,550,996,908
- Nguyên giá	228		887,391,935,873	881,127,553,872
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,576,556,964)	(1,576,556,964)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		132,844,363,888	101,741,306,258
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	132,844,363,888	101,741,306,258
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		264,513,568,148	271,368,044,920
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	220,830,779,490	220,830,779,490
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	36,256,371,552	45,256,371,552
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13	14,265,497,009	14,265,497,009
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.14	(6,839,079,903)	(8,984,603,131)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,447,226,922	6,709,809,330
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2,447,226,922	6,709,809,330
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5,601,739,629,264	5,438,785,706,891

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 34 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		4,862,187,533,697	4,752,979,080,752
I. Nợ ngắn hạn	310		4,630,448,601,277	4,521,264,148,332
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15a	996,203,187,643	905,359,803,759
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15b	45,197,389,976	19,195,488,903
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16b	214,828,088,462	218,400,689,723
4. Phải trả người lao động	314	V.17	15,176,991,498	12,423,560,349
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	2,592,228,412	7,619,288,431
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	6,760,753,988	9,414,179,613
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	3,305,555,136,296	3,225,140,269,856
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(2,437,805,257)	(118,879,728)
9. Quỹ bình ổn giá	323	V.21	46,572,630,259	123,829,747,426
II. Nợ dài hạn	330		231,738,932,420	231,714,932,420
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.15c	336,325,322	336,325,322
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	231,402,607,098	231,378,607,098
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		739,552,095,567	685,806,626,139
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	739,552,095,567	685,806,626,139
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		131,712,599,298	131,712,599,298
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		131,712,599,298	131,712,599,298
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1,233,596,616,810	1,233,596,616,810
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,402,093,679	8,402,093,679
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(634,159,214,220)	(687,904,683,648)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(670,265,409,500)	(736,467,929,361)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		36,106,195,279	48,563,245,713
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5,601,739,629,264	5,438,785,706,891



PHẠM VĂN BÈN
Người lập biểu



NGUYỄN XUÂN TUYẾN
Kế toán trưởng





LÊ THANH MÃN
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 05 năm 2017

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Mẫu B02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	9,487,327,791,877	12,687,021,568,134
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		9,487,327,791,877	12,687,021,568,134
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	9,244,623,422,518	12,390,584,647,568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		242,704,369,359	296,436,920,566
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	234,239,711,825	307,296,956,597
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	183,569,007,511	303,144,913,770
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		130,433,605,321	154,399,482,390
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	228,403,017,075	235,710,314,827
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	21,259,015,077	27,257,869,783
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	VI.7	43,713,041,520	37,620,778,783
11. Thu nhập khác	31		10,898,888,566	21,457,706,625
12. Chi phí khác	32		1,379,172,207	10,130,612,592
13. Lợi nhuận khác	40		9,519,716,359	11,327,094,033
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53,232,757,879	48,947,872,816
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	363,353,600	384,627,103
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52,869,404,279	48,563,245,713
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			


PHẠM VĂN BÈN
 Người lập biểu


NGUYỄN XUÂN TUYÊN
 Kế toán trưởng


LÊ THANH MÂN
 Tổng Giám đốc
 Ngày 07 tháng 05 năm 2017



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ bán hàng cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		7,997,438,254,243	9,696,008,109,756
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(3,643,460,314,973)	(3,360,743,818,709)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(39,742,362,571)	(37,144,195,103)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(127,660,787,678)	(156,022,213,447)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(363,353,600)	(384,627,103)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		8,390,468,656,021	10,190,782,138,517
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5,655,624,283,312)	(2,817,338,679,870)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		6,921,055,808,130	13,515,156,714,041
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(25,221,009,570)	(9,517,504,684)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		284,372,944,844	227,191,870,833
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		39,315,917,229	51,771,428,634
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		298,467,852,503	269,445,794,783
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		8,472,344,059,566	5,214,912,429,558
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15,643,234,472,699)	(19,598,318,140,849)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(7,170,890,413,133)	(14,383,405,711,291)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50		48,633,247,500	(598,803,202,467)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		148,624,728,267	753,195,968,947
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2,961,912,335	(5,768,038,213)
Tiền tồn cuối kỳ	70		200,219,888,102	148,624,728,267

PHẠM VĂN BÈN
Người lập biểu

NGUYỄN XUÂN TUYẾN
Kế toán trưởng

LÊ THANH MẢN
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 05 năm 2017



CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp ("Công ty") thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400147351 ngày 2 tháng 7 năm 2010, giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 9 ngày 05 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Công ty được chuyển đổi dưới hình thức 100% vốn sở hữu Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 68/QĐ-UBND-TL ngày 29/6/2010.

Tổng số vốn điều lệ của doanh nghiệp là: 1.429.239.850.561 đồng Việt Nam.

Trụ sở chính của công ty đặt tại Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu;
- Mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng. Mua bán các chất bôi trơn.
- Chiết nạp gas. Xuất nhập khẩu gas (LPG)
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Dịch vụ cung ứng tàu biển; các dịch vụ có liên quan
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Kinh doanh dịch vụ du lịch

...

Các Công ty con và Công ty liên kết bao gồm:

Công ty Cổ Phần Vận tải Xăng dầu Đồng Tháp

Trụ sở: 215-217 Trương Hán Siêu, phường Mỹ Tho, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Vận tải đường thủy, đường bộ, vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương

Vốn điều lệ: 43.705.100.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

Công ty Cổ Phần Nhiên liệu Đồng Tháp

Trụ sở: Số 328, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú, Thành phố Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Mua bán xăng, dầu, nhớt và gas; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy; đại lý bảo hiểm.

Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng (50 tỷ đồng)

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 49%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 52,32%

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ Phần Dầu Khí Cửu Long

Trụ sở: số 67/6A, đường Phó Cơ Điều, phường 4, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh xuất nhập khẩu xăng dầu; Mua bán nhiên liệu khí và các sản phẩm của chúng; Kinh doanh vận tải thủy bộ; Cho thuê kho bãi; Mua bán các chất bôi trơn.
Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (36 tỷ đồng)
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 49%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

Công ty Cổ Phần Khí hóa lỏng Đồng Tháp

Trụ sở: số 1649, Quốc lộ 30, phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh gas
Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng (60 tỷ đồng)
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 34%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Du Lịch Mỹ Trà

Trụ sở: đường Lê Duẩn, phường Mỹ Phú, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh lữ hành nội địa; kinh doanh vận chuyển khách du lịch; kinh doanh dịch vụ du lịch khác (khu vui chơi giải trí); Dịch vụ massage; Đại lý bán vé máy bay; Vận chuyển hành khách theo hợp đồng; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Mua bán xăng, dầu, nhớt, gas, phân bón.
Vốn điều lệ: 52.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ: 82,56%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty mẹ: 1,67%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 85,83%

Công ty Cổ Phần Cơ khí Xây dựng Đồng Tháp

Trụ sở: số 1649, Quốc lộ 30, phường 11, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và sửa chữa phương tiện tàu thủy.
Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 30%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 55%

Công ty Cổ Phần Nhiên liệu Tây Đô

Trụ sở: số 58 đường số 8, Khu đô thị Phú An, phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Tp Cần Thơ
Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh xăng, dầu và các sản phẩm hóa dầu (dầu nhớt, gas); Vận chuyển xăng, dầu bằng đường thủy, bộ; Đại lý bảo hiểm.
Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng (25 tỷ đồng)
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 43%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 43%

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty Cổ Phần Chín Chín Núi

Trụ sở: số 6 Phan Kế Bính, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp.HCM

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu dân cư, trung tâm thương mại; Đầu tư xây dựng khu thể thao, khu vui chơi - giải trí, sân golf, sân tập golf, sân tennis, hồ tắm, bãi biển, nhà hàng ăn uống, khách sạn, khu nhà nghỉ phục vụ khách du lịch, khu du lịch sinh thái.

Vốn điều lệ: 125.000.000.000 đồng (125 tỷ đồng)

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

Công ty Liên doanh Gas Sopot

Trụ sở: Lầu 3, Broadway A, 100 Nguyễn Lương Bằng, Quận 7, Tp.HCM

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh xăng dầu, gas

Vốn điều lệ: 24.100.550.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 40%

Quyền biểu quyết của Công ty: 40%

Công ty Cổ phần Thương mại Dầu khí Việt

Trụ sở: 79/54 ấp 6, xã Định Hòa, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm hóa dầu (dầu nhớt, gas); Vận chuyển xăng, dầu bằng đường thủy, bộ; Đại lý bảo hiểm.

Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 20%

Quyền biểu quyết của Công ty: 20%

Công ty Cổ phần Môi giới Bảo hiểm Sao Việt

Trụ sở: Số 204, đường Hùng Vương, phường 2, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Môi giới bảo hiểm.

Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 20%

Quyền biểu quyết của Công ty: 20%

9517

NG T

NHH

1 TO

T &

HỒ

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau lần ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. (nếu áp dụng)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm nay
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất dài hạn. Do đó công ty không trích khấu hao cho loại tài sản này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê quyền sử dụng đất, chi phí sửa chữa các trạm kinh doanh xăng dầu, chi phí mua công cụ dụng cụ sử dụng nhiều lần, giá trị còn lại của tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận theo Thông tư 45;

Tiền thuê quyền sử dụng đất thể hiện số tiền thuê quyền sử dụng đất đã được trả trước. Tiền thuê quyền sử dụng đất trả trước và các chi phí khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

1. Tiền	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	761,419,885	611,675,018
Tiền gửi ngân hàng	(1a) 199,458,468,217	148,013,053,249
Tổng cộng	200,219,888,102	148,624,728,267
1a Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:	Cuối năm	Đầu năm
Vietinbank Đồng Tháp (VND)	20,498,811,706	11,320,415,875
Vietinbank Đồng Tháp (USD)	18,047,062,864	124,982,293
BIDV Đồng Tháp (USD)	162,907,626	18,897,961
MB Đồng Tháp (VND)	1,432,729,647	592,173,356
Sacombank Đồng Tháp (VND)	18,381,835,273	5,197,948,266
Sacombank Đồng Tháp (USD)	10,913,552	8,888,629
LienVietBank Cần Thơ (VND)	1,030,079,407	1,228,581,926
LienVietBank Cần Thơ (USD)	23,347,526	23,070,069
Vietcombank Đồng Tháp (VND)	63,484,615,456	2,878,176,331
Vietcombank Đồng Tháp (USD)	128,164,202	7,217,675
Agribank Đồng Tháp (VND)	11,072,283,192	16,910,371,073
Eximbank Tây Đô, Cần Thơ	124,669,597	271,540,597
Trustbank Đồng Tháp	2,453,412	2,404,117
VIBank Cần Thơ	2,869,849,556	1,239,921,097
Daiabank HCM	56,535,407	56,584,074
LienVietBank (VND)	78,493,028	78,015,798
Indovina Cần Thơ (VND)	97,435,731	66,233,919
VIBank Cần Thơ (VND)	2,490,207,160	1,364,010,559
Vietcombank Cần Thơ (VND)	33,033,451	3,551,281,923
Quỹ bình ổn xăng dầu tại BIDV Đồng Tháp (VND)	48,067,982,709	99,701,441,443
Ngân hàng Quân Đội - CN Cần Thơ (USD)	5,346,698	16,318,905
MB Cần Thơ	21,038,088	1,067,960,752
VIB An Giang	72,228,008	623,572,827
PG Bank Đồng Tháp	2,877,645,073	1,131,886,973
Techcombank Đồng Tháp	220,171,279	214,527,860
BIDV Đồng Tháp TK 14044	7,088,155,011	
BIDV Đồng Tháp TK157888	487,950,183	
Sacombank Cần Thơ	119,557,293	597,148
Liên Việt CN Đồng Tháp	146,510,797	62,163,632
Tiền VND tại các ngân hàng khác	177,490,655	148,930,017
Tiền USD tại các ngân hàng khác	148,964,630	104,938,154
Cộng	199,458,468,217	148,013,053,249

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	2,366,000,000	2,366,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2,366,000,000)	(2,366,000,000)
Tổng cộng	-	-

Là cổ phiếu của Docimexco với số lượng 140.000 cổ phiếu. Công ty lưu ký mở tại Công ty chứng khoán NHTM CP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh, số tài khoản 007C514185 đến ngày 31/12/2015. Theo báo cáo tài chính của Docimexco thì tại ngày 31/12/2015, công ty đã bị lỗ vượt vốn chủ sở hữu.

3. Phải thu của khách hàng

		<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng	(3a)	189,362,587,862	145,782,287,474
Trả trước cho người bán	(3b)	12,361,104,827	12,937,896,873
Tổng cộng		201,723,692,689	158,720,184,347

3a. Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

		<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải thu khách hàng trong nước		109,155,858,459	83,174,012,588
Phải thu khách hàng nước ngoài (*)		80,206,729,403	62,608,274,886
Cộng		189,362,587,862	145,782,287,474

(*) Trong đó, nợ phải thu Công ty TNHH ĐDTR Đồng Phương Giang Xuyên (Trung Quốc) số tiền 8.505.446.840 đồng (tương đương 408.365,99 USD). Công nợ này có liên quan đến lô hàng bán sang Trung Quốc của Ông Dũng - đang bị công an điều tra.

3b. Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:

		<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Trả trước cho người bán trong nước		12,361,104,827	12,937,896,873
Trả trước cho người bán nước ngoài		-	-
Cộng		12,361,104,827	12,937,896,873

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**4. Các khoản phải thu khác**

	Cuối năm	Đầu năm
a. Ngắn hạn	2,872,005,632,493	3,100,487,299,902
Phải thu tiền Bảo hiểm bồi thường	12,130,173	12,130,173
Phải thu các đơn vị trực thuộc	1,509,770,732	3,324,544,543
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	89,053,158,971	118,947,542,536
Phải thu tiền vô bình gas - DNTN Đại Hùng		5,093,540,000
Dự thu tiền hoàn thuế hàng nhập khẩu	69,745,958,640	32,797,298,797
Thuế TTĐB được khấu trừ	6,901,972,068	
Phải thu khác	1,062,986,366	1,246,268,586
Tạm ứng	4,967,620,853	3,850,444,297
Ký cược, ký quỹ	2,698,752,034,690	2,935,215,530,970
b. Dài hạn	7,533,180,810	9,615,180,810
Những khoản ứng vốn cho các đại lý Xăng Dầu	7,533,180,810	9,615,180,810
Tổng cộng	2,879,538,813,303	3,110,102,480,712

5. Nợ xấu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng cộng	20,082,698,968	22,032,415	29,730,841,888	4,196,302,415
Cty TNHH Đông Phương	8,505,446,840	-	8,505,446,840	-
Chi nhánh Vĩnh Long	5,924,162,085	-	5,924,162,085	-
DNTN Đại Hùng			5,093,540,000	2,546,770,000
Nguyễn Thị Phước			900,000,000	-
CN Cần Thơ	726,514,865	-	726,514,865	-
Cty CP TM Dầu khí Việt			3,255,000,000	1,627,500,000
Cty CP NL VinaBENNY	1,459,164,810	-	1,459,164,810	-
Chi nhánh TP.HCM	1,442,482,932	-	1,459,164,810	-
Nhiều khách hàng khác	2,024,927,436	22,032,415	2,407,848,478	22,032,415

6. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	363,705,748,093	208,112,650,872
Hàng hoá	432,897,027,534	246,646,686,479
Cộng giá gốc hàng tồn kho	796,602,775,627	454,759,337,351
Dự dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**7. Chi phí trả trước**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Chi phí bảo hiểm	-	480,784,091
Tổng cộng	<u>-</u>	<u>480,784,091</u>
b. Dài hạn		
Chi phí cải tạo sửa chữa tài sản	2,447,226,922	6,709,809,330
Tổng cộng	<u>2,447,226,922</u>	<u>6,709,809,330</u>

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	635,326,665,178	26,196,430,411	11,315,722,028	5,654,805,060	678,493,622,677
Tăng trong kỳ	4,834,774,546	315,000,000	1,705,044,272	2,548,828,373	9,403,647,191
Mua trong kỳ	4,743,221,266	315,000,000	1,705,044,272	2,548,828,373	9,312,093,911
Đầu tư XDCB	91,553,280				91,553,280
Giảm trong kỳ	-		955,000,000	-	955,000,000
Thanh lý			955,000,000		955,000,000
Số dư cuối năm	640,161,439,724	26,511,430,411	12,065,766,300	8,203,633,433	686,942,269,868

HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm	340,759,545,461	18,039,971,321	6,840,216,681	1,576,450,388	367,216,183,851
Tăng trong kỳ	55,230,529,367	4,568,341,215	1,600,653,832	1,027,148,450	62,426,672,863
Giảm trong kỳ			744,694,445		744,694,445
Số dư cuối năm	395,990,074,828	22,608,312,536	7,696,176,068	2,603,598,838	428,898,162,270

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số đầu năm	294,567,119,717	8,156,459,090	4,475,505,347	4,078,354,672	311,277,438,826
Số cuối kỳ	244,171,364,896	3,903,117,875	4,369,590,232	5,600,034,595	258,044,107,598

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng 18.012.505.780 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**9. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	-	881,127,553,872	881,127,553,872
Tăng trong kỳ	-	7,260,742,946	7,260,742,946
Mua trong kỳ	-	7,260,742,946	7,260,742,946
Giảm trong kỳ	-	996,360,945	996,360,945
Thanh lý, nhượng bán	-	744,700,000	744,700,000
Giảm khác	-	251,660,945	
Số dư cuối năm	-	887,391,935,873	887,391,935,873
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	-	1,576,556,964	1,576,556,964
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối năm	-	1,576,556,964	1,576,556,964
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	-	879,550,996,908	879,550,996,908
Số cuối kỳ	-	885,815,378,909	885,815,378,909

10. Tài sản dở dang dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
Chi phí mua sắm TSCĐ	49,308,281,031	29,263,121,681
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	74,507,692,901	64,108,981,620
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	9,028,389,956	8,369,202,957
Số dư cuối kỳ	132,844,363,888	101,741,306,258
<i>Trong đó gồm những hạn mục lớn như:</i>		
Xây dựng 04 bồn tại kho Phước Khánh	60,147,437,562	59,070,994,797
Giá trị đất	39,158,280,164	19,113,120,814
Xây dựng và Mở rộng kho Trần Quốc Toàn	12,406,432,438	9,539,575,165

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**11. Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty con	Tỷ lệ phần sở hữu	Số lượng	Giá trị cổ phần	Hoạt động chính
Cty CP VT XD Đồng Tháp	51%	2,228,956	28,532,085,925	(xem mục I)
Cty CP Nhiên Liệu Đồng Tháp	49%	2,842,000	34,502,697,467	
Cty CP TM Dầu Khí Cửu Long	49%	1,764,000	22,881,308,294	
Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà	83%	4,293,200	44,267,862,943	
Cty CP Nhiên Liệu Tây Đô	43%	1,075,000	13,017,521,748	
Cty CP Chín Chín Núi	51%	6,375,030	77,629,303,113	
Tổng cộng			220,830,779,490	

12. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu	Số lượng	Giá trị cổ phần	Hoạt động chính
Cty CP Cơ khí xây dựng ĐT	30%	90,000	1,456,964,322	(xem mục I)
Cty CP Vận tải Dầu khí Mê Kông	17.19%	1,719,220	8,984,603,131	
Cty CP Du lịch Đồng Tháp	7.4%	189,085	1,842,874,500	
Cty CP VT Đường sông Đồng Tháp	14.11%	120,000	2,753,346,622	
Cty CP Môi giới Bảo hiểm Sao Việt	20%	40,000	438,881,635	
Cty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp	34%	2,040,000	20,779,701,342	
Tổng cộng			36,256,371,552	

13. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP Vận tải Ấu Lạc	393,660	8,735,719,145	393,660	8,735,719,145
Cty CP ĐTXD VT Đồng Tháp	105,000	4,369,924,131	105,000	4,369,924,131
Cty CP TM Long Thành	75,000	1,159,853,733	75,000	1,159,853,733
Cộng		14,265,497,009		14,265,497,009

14. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết số dư Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31/12/2016 như sau:

	Số Cổ phần	Giá trị đầu tư	Số lập dự phòng
Cty CP VT DK Mekong	1,719,220	8,984,603,131	6,839,079,903
Cộng	1,719,220	8,984,603,131	6,839,079,903

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***15. Phải trả cho người bán**

		<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Phải trả cho người bán ngắn hạn	(15a)	996,203,187,643	905,359,803,759
Người mua trả tiền trước	(15b)	45,197,389,976	19,195,488,903
Phải trả cho người bán dài hạn (mua tàu Sông Tiền trước năm 2005)	(15c)	336,325,322	336,325,322
Tổng cộng		<u>1,041,400,577,619</u>	<u>924,555,292,662</u>
Số có khả năng trả nợ		1,041,400,577,619	924,555,292,662

15a. Chi tiết số dư Phải trả cho người bán như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	403,925,821,427	515,246,364,744
Nhà cung cấp nước ngoài	592,277,366,216	390,113,439,015
Cộng	<u>996,203,187,643</u>	<u>905,359,803,759</u>

15b. Chi tiết số dư Người mua trả tiền trước như sau:

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Nhà cung cấp trong nước	44,845,790,836	18,821,763,509
Nhà cung cấp nước ngoài	351,599,140	373,725,394
Cộng	<u>45,197,389,976</u>	<u>19,195,488,903</u>

16. Thuế và các khoản phải thu/phải trả Nhà nước

	<u>Đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm</u>	<u>Cuối năm</u>
a. Các khoản phải thu				
Thuế GTGT được khấu trừ	-	860,346,326,805	860,346,326,805	-
Thuế thu nhập cá nhân	1,877,005	182,535,633	207,295,720	26,637,092
Tổng cộng	<u>1,877,005</u>	<u>860,528,862,438</u>	<u>860,553,622,525</u>	<u>26,637,092</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế GTGT nội địa	24,204,224,110	157,088,322,365	164,100,290,148	17,192,256,327
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		507,542,375,316	507,542,375,316	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt		225,255,774,054	225,255,774,054	-
Thuế nhập khẩu	10,821,796,273	471,181,633,364	465,819,723,784	16,183,705,853
Thuế thu nhập doanh nghiệp		363,353,600	363,353,600	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		358,120,715	358,120,715	-
Thuế tài nguyên môi trường	183,374,669,340	2,019,102,459,900	2,021,025,002,958	181,452,126,282
Thuế môn bài		10,500,000	10,500,000	-
Tổng cộng	<u>218,400,689,723</u>	<u>3,380,902,539,314</u>	<u>3,384,475,140,575</u>	<u>214,828,088,462</u>

Các khoản thuế phải nộp thực tế sẽ do cơ quan thuế xác định khi kiểm tra quyết toán thuế.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**17. Phải trả người lao động**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Quỹ lương còn phải trả cho người lao động	13,545,417,182	11,881,566,439
Quỹ lương còn phải trả cho Ban giám đốc	1,631,574,316	541,993,910
Tổng cộng	<u>15,176,991,498</u>	<u>12,423,560,349</u>

18. Chi phí phải trả

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn		
Trích trước chi phí lãi vay	2,300,838,770	2,337,049,438
Trích trước chi phí vận chuyển	291,389,642	5,282,238,993
b. Dài hạn	-	-
Tổng cộng	<u>2,592,228,412</u>	<u>7,619,288,431</u>

19. Phải trả khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	6,760,753,988	9,414,179,613
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	64,668,968	95,783,337
Kinh phí công đoàn	1,443,806,045	1,431,981,873
Khác	5,252,278,975	7,886,414,403
b. Dài hạn	231,402,607,098	231,378,607,098
Nhận ký quỹ, ký cược vô bình gas	541,000,000	517,000,000
Phải trả dài hạn khác (xăng dầu dự trữ quốc gia)	230,861,607,098	230,861,607,098
Tổng cộng	<u>238,163,361,086</u>	<u>240,792,786,711</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Ngắn hạn	3,305,555,136,296	3,225,140,269,856
Vay ngắn hạn ngân hàng	3,305,555,136,296	3,225,140,269,856
Tổng cộng	3,305,555,136,296	3,225,140,269,856
Chi tiết số dư vay ngắn hạn ngân hàng như sau:		
Ngân hàng:	Cuối năm	Đầu năm
Viettinbank Đồng Tháp (VND) (a)	391,542,087,592	1,140,032,097,839
Viettinbank Đồng Tháp (USD) (b)	1,039,554,997,171	129,442,515,677
BIDV Đồng Tháp (VND) (c)	338,805,518,799	444,839,726,497
MB Đồng Tháp (VND) (d)	294,688,457,168	200,748,189,404
MB Đồng Tháp (USD) (e)	103,640,632,417	186,344,636,358
Vietcombank Đồng Tháp (VND) (f)	736,098,128,676	708,354,506,325
Vietcombank Đồng Tháp (USD) (g)	197,408,499,409	182,770,017,081
VIBank Cần Thơ (h)	171,013,406,497	161,608,580,675
NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) (i)	32,803,408,567	-
Công Thương CN Đồng Tháp (thấu chi)		71,000,000,000
Cộng	3,305,555,136,296	3,225,140,269,856

Với thông tin về những hợp đồng vay như sau:

- 20** Vay của Ngân hàng TMCP Công Thương VN - Chi nhánh Đồng Tháp:
- a.b** - Hợp đồng Tín dụng số 256/2015-HĐTDHM/NHCT720-PETIMEX ngày 02/12/2015 với hạn mức cho vay là 4.600.000.000.000 đồng (bao gồm các khoản nợ điều chỉnh bởi hợp đồng tín dụng số 509/2014-HĐHM/NHCT720-PETIMEX ngày 16/10/2014), thời hạn duy trì hạn mức đến hết 30/11/2016. Tài sản đảm bảo là:
- + Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 236/13/HĐCC/NHCT720-PETIMEX ngày 19/7/2013, 277/2014/HĐCC/NHCT720-PETIMEX ngày 18/6/2014, 279/2014/HĐCC/NHCT720-PETIMEX ngày 18/6/2014, 161/2015/HĐCC/NHCT720-PETIMEX ngày 01/6/2015.
 - + Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 089/13/PKHĐN/TC ngày 10/5/2013, 097/13/PKHĐN/TC ngày 10/5/2013.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20c. BIDV Đồng Tháp (VND)

Vay của Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển VN - Chi nhánh Đồng Tháp:

Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2016/543435/HĐHM ngày 01/07/2016 với hạn mức cho vay là 3.000.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết 30/06/2017. Tài sản đảm bảo là QSD đất và tài sản gắn liền với đất và số dư tiền gửi Ngân hàng đảm bảo tỷ lệ TSBĐ tối thiểu 30% và số dư hạn mức thấu chi phải được đảm bảo 100% bằng tiền gửi. Cụ thể như sau:

- QSD đất và tài sản gắn liền với đất số 64/2015/543435/HĐTC ngày 10/06/2015, 98/2014/543435/HĐTC ngày 10/06/2014, 91/HĐ ngày 01/06/2014, 115/HĐ ngày 11/07/2011 ký giữa Ngân hàng và Bên vay và các hợp đồng sửa đổi bổ sung kèm theo, cụ thể như sau:

+ 400m² đất CSSXKD và tài sản gắn liền với đất gồm 01 nhà cấp 4, DTXD 11,5m² và toàn bộ tài sản của trạm xăng dầu tại QL30, phường Phú Mỹ, Tp. Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AD 988431, AD 988433 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25/09/2006.

+ 770m² đất CSSXKD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại QL30, xã An Phong, Thanh Bình, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AD 988432 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 25/09/2006.

+ 3.288,7 m² đất ở đô thị và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại khu vực 6, đường Mậu Thân, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, Tp.Cần Thơ theo GCN QSD đất số BX 967324 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tp.Cần Thơ cấp ngày 12/02/2015.

+ Toàn bộ các hạng mục xây dựng, công trình kiến trúc, máy móc thiết bị theo GCN quyền sở hữu công trình số 012/TXCL do UBND Tp.Cao Lãnh cấp ngày 05/08/2005.

+ 55.442,4 m² đất XD tại QL30, phường 11, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AA 493847 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/11/2004.

+ 1.448 m² đất CSSXKD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại QL30, xã An Bình, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AC 807404 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 06/12/2005.

+ 19.448 m² đất CSSXKD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại đường Lê Duẩn, phường Phú Mỹ, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AM 305595, AM 305597 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/05/2008.

+ 919,5 m² đất Trụ sở cơ quan và tài sản gắn liền với đất gồm 1 nhà cấp 3, DTXD 798 m² và toàn bộ tài sản khác tại QL30, phường Phú Mỹ, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AC 807409 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/12/2005.

+ 1.190,9 m² đất CSSXKD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất gồm 1 nhà cấp 3, DTXD 915 m² và toàn bộ tài sản khác tại QL30, phường Phú Mỹ, Tp.Cao Lãnh, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số AC 807408 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/12/2005.

+ 2.628 m² đất XD và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Khóm 3, phường 2, TX.Sa Đéc, Đồng Tháp theo GCN QSD đất số I 301233 do UBND tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 06/08/1996.

+ 38.849 m² đất trồng cây lâu năm và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại QL14, xã Nha Bích, huyện Bình Long, Bình Phước theo GCN QSD đất số N 158669 do UBND huyện Bình Long cấp ngày 13/03/1999.

- Cầm cố số dư tiền gửi tại ngân hàng tối thiểu 750.000.000.000 đồng, trong đó bao gồm:

+ Cầm cố số dư tiền gửi tại ngân hàng theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi số 19/2016/543435/HĐCC và 20/2016/543435/HĐCC ngày 02/06/2016 giữa ngân hàng và bên vay.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

+ Cầm cố số dư tiền gửi tại ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc theo các hợp đồng cầm cố tiền gửi số 16/2016/543435/HĐCC và 20/2016/543435/HĐCC ngày 23/05/2016 giữa ngân hàng và bên vay.

- Bên vay cam kết dùng toàn bộ hàng hóa tồn kho; các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác, trong đó bên vay là người thụ hưởng; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác để bảo đảm cho các nghĩa vụ của bên vay tại ngân hàng.

20 Vay của Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Cần Thơ:

d.e - Hợp đồng cấp Tín dụng số 38579.15A51.259727.TD ngày 21/01/2016 với hạn mức cho vay là 50.000.000 USD (giá trị hạn mức đã bao gồm dư nợ gốc, dư LC và dư bảo lãnh của khách hàng theo hợp đồng cấp Tín dụng số 3415.451.259727.TD ngày 29/01/2015), thời hạn duy trì hạn mức đến hết 31/12/2016. Tài sản đảm bảo là:

- Cầm cố tài sản là các hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của bên vay mở tại ngân hàng (chi tiết tài sản cầm cố được quy định trong hợp đồng cầm cố tiền gửi 259.15.451.259727 ngày 29/10/2015 và các phụ lục đính kèm.

- Hợp đồng cấp Tín dụng số 30129.16.451.259727.TD ngày 29/12/2016 với hạn mức cho vay là 50.000.000 USD (giá trị hạn mức đã bao gồm dư nợ gốc, dư LC và dư bảo lãnh của khách hàng theo hợp đồng cấp Tín dụng số 38579.15A51.259727.TD ngày 21/01/2016), thời hạn duy trì hạn mức đến hết 30/11/2017. Tài sản đảm bảo là:

- Cầm cố tài sản là các hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của bên vay mở tại ngân hàng (chi tiết tài sản cầm cố được quy định trong hợp đồng cầm cố tiền gửi 259.15.451.259727 ngày 29/10/2015 và các phụ lục đính kèm.

Giá trị tài sản cầm cố được quy định trong hợp đồng cầm cố tiền gửi 259.15.451.259727 ngày 29/10/2015 và các phụ lục đính kèm là 227.000.000.000 đồng, gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, chi tiết như sau:

+ Hợp đồng số 20.15.451.259727.TG.DN, số tiền gửi tiết kiệm là 63.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng số 14.15.451.259727.TG.DN, số tiền gửi tiết kiệm là 50.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng số 21.14.451.259727.TG.DN và 21.14.451.259727.PLTG, số tiền gửi tiết kiệm là 49.000.000.000 đồng.

+ Hợp đồng số 20.14.451.259727.TG.DN và 20.14.451.259727.PLTG, số tiền gửi tiết kiệm là 65.000.000.000 đồng.

20f.g Vietcombank CN Đồng Tháp

Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 215-CV/2016/NHNT.DT ngày 22/04/2016 với hạn mức cho vay là 1.500.000.000.000 đồng (hạn mức này được quy định theo Hợp đồng cấp Tín dụng số 215/2016/NHNT.DT ngày 22/04/2016), thời hạn cho vay tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là tối đa 04 tháng kể từ ngày nhận nợ theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: theo từng lần phát sinh nhận nợ sẽ quy định cụ thể.

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

20h. Vay ngắn hạn VND Vibank - CN Cần Thơ

Vay của Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN - Chi nhánh Cần Thơ:

- Hợp đồng Tín dụng số 485.HĐTD.610.16 ngày 13/06/2016 với hạn mức cho vay là 500.000.000.000 đồng (trong đó: cho vay ngắn hạn: 300.000.000.000 đồng, cho vay thấu chi: 200.000.000.000 đồng, cam kết bảo lãnh: 200.000.000.000 đồng, tín dụng chứng từ: 300.000.000.000 đồng), thời hạn duy trì hạn mức: VIB xem xét định kỳ hàng năm. Tài sản đảm bảo là:

- Đối với hạn mức vay vốn, mở L/C, bảo lãnh thanh toán thuế: tín chấp.

- Đối với hạn mức thấu chi: hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tối thiểu 12 tháng (đồng thời không ngắn hơn thời hạn hợp đồng tín dụng) tại VIB.

Các hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá được ký kết giữa Petimex và Ngân hàng TMCP Quốc Tế VN - Chi nhánh Cần Thơ nhằm làm tài sản đảm bảo cho Hợp đồng Tín dụng số 485.HĐTD.610.16 ngày 13/06/2016 như sau:

+ Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 485A.HĐCC.610.16 ngày 12/07/2016 với giá trị tài sản cầm cố là 50.000.000.000 đồng (đây là hợp đồng tiền gửi số 610180516001/2016/VIB-DN ngày phát hành 18/05/2016, ngày đến hạn 18/05/2017).

+ Hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 485B.HĐCC.610.16 ngày 12/07/2016 với giá trị tài sản cầm cố là 50.000.000.000 đồng (đây là hợp đồng tiền gửi số 610260416002/2016/VIB-DN ngày phát hành 26/04/2016, ngày đến hạn 26/04/2017).

20l. NH TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 184/2016/HDHM/CMB ngày 18/10/2016 với hạn mức cho vay là 300.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là tối đa 06 tháng kể từ ngày nhận nợ theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là: theo từng lần phát sinh nhận nợ sẽ qui định cụ thể.

21. Quỹ bình ổn giá

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số dư đầu năm	123,829,747,426	195,306,675,419
Trích lập quỹ bình ổn	281,015,215,354	330,183,943,858
Sử dụng quỹ	358,272,332,521	401,660,871,851
Tổng cộng	46,572,630,259	123,829,747,426
<u>Trong đó:</u>		
Quỹ bình ổn giá xăng	(98,082,748,478)	(73,773,675,928)
Quỹ bình ổn giá dầu	144,655,378,737	197,603,423,354

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**22. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước**

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131,712,599,298	-	-	131,712,599,298
Vốn khác	1,233,596,616,810	-	-	1,233,596,616,810
Quỹ đầu tư phát triển	8,402,093,679			8,402,093,679
LN sau thuế chưa phân phối	(736,467,929,362)	48,563,245,713		(687,904,683,648)
Cộng	637,243,380,426	48,563,245,713	-	685,806,626,139

b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	131,712,599,298	-	-	131,712,599,298
Vốn khác	1,233,596,616,810	-	-	1,233,596,616,810
Quỹ đầu tư phát triển	8,402,093,679	-	-	8,402,093,679
LN sau thuế chưa phân phối	(687,904,683,648)	70,508,678,428	16,763,209,000	(634,159,214,221)
Cộng	685,806,626,139	70,508,678,428	16,763,209,000	739,552,095,566

c. Lợi nhuận sau thuế

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận lũy kế đầu kỳ	(687,904,683,649)	(736,467,929,362)
Điều chỉnh tăng LN sau thuế năm trước do các bút toán điều chỉnh kiểm toán các năm trước	17,639,274,148	
Lợi nhuận sau thuế tăng trong kỳ	52,869,404,279	48,563,245,713
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(16,763,209,000)	
Lợi nhuận lũy kế cuối kỳ	(634,159,214,221)	(687,904,683,649)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
I. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9,487,327,791,877	12,687,021,568,134
Trong đó:		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	17,424,469,527	17,385,865,447
Doanh thu bán hàng hóa	9,469,903,322,350	12,669,635,702,687
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	9,487,327,791,877	12,687,021,568,134

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***2. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	181,784,399,929	218,412,875,353
Lãi bán trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu		8,278,677,094
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7,897,840,859	16,037,657,220
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	41,268,234,387	58,685,548,327
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,531,414,583	5,882,198,603
Lãi bán hàng trả chậm	1,757,822,067	-
Tổng cộng	<u>234,239,711,825</u>	<u>307,296,956,597</u>

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9,244,623,422,518	12,390,584,647,568
Tổng cộng	<u>9,244,623,422,518</u>	<u>12,390,584,647,568</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	130,433,605,321	154,399,482,390
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	31,886,956,633	115,076,840,525
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18,696,905,670	40,331,276,615
Hoàn nhập dự phòng (Công ty CP XNK Đồng Tâm)		(9,513,572,906)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (Công ty CP Docimexco)		560,000,000
Hoàn nhập dự phòng (Cty CP VT DK Mekong)	(2,145,523,228)	
Lỗ do chuyển nhượng cổ phần Công ty Dầu Khí Việt	3,143,700,000	
Phí ngân hàng và khác	1,553,363,115	2,290,887,146
Tổng cộng	<u>183,569,007,511</u>	<u>303,144,913,770</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	36,495,438,233	31,056,409,449
Chi phí vật liệu, bao bì	40,449,324,251	54,592,342,012
Chi phí đồ dùng văn phòng	927,959,493	878,512,542
Chi phí khấu hao TSCĐ	59,446,495,432	59,910,699,927
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79,359,837,166	77,283,232,919
Chi phí khác bằng tiền	11,723,962,500	11,989,117,978
Tổng cộng	<u>228,403,017,075</u>	<u>235,710,314,827</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	5,463,472,880	10,220,998,376
Chi phí đồ dùng văn phòng	101,740,745	96,480,454
Chi phí khấu hao TSCĐ	2,980,177,432	2,122,772,632
Thuế, phí và lệ phí	3,773,750,761	746,063,387
Hoàn nhập dự phòng	(4,014,708,110)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6,012,110,157	6,225,545,582
Chi phí khác bằng tiền	6,942,471,212	7,846,009,352
Tổng cộng	<u>21,259,015,077</u>	<u>27,257,869,783</u>

Chi phí dự phòng trong năm 2015 được trình bày ở khoản chi phí nhân viên trong mục chi phí bán hàng

7. Lợi nhuận khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	2,305,958,081	(218,788,160)
Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ	693,263,636	9,473,458,363
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	2,567,700,000	
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý	(210,305,555)	(9,692,246,523)
Nguyên giá quyền sử dụng đất chuyển nhượng	(744,700,000)	
Thu nhập khác	7,637,924,930	11,984,248,262
Thu tiền hỗ trợ Marketing	1,278,594,894	
Xử lý kết quả kiểm kê thừa	3,948,606,496	5,073,612,971
Thu lãi chậm trả từ đầu tư trạm	100,000,000	
Thu tiền bồi thường hao hụt	1,219,082,211	4,044,478,596
Khác	1,091,641,329	2,866,156,695
Chi phí khác	424,166,652	438,366,069
Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	172,505,707	367,973,169
Khác	251,660,945	70,392,900
Tổng cộng	<u>9,519,716,359</u>	<u>11,327,094,033</u>

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*
(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	53,232,757,879	48,947,872,816
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	172,505,707	367,973,169
+ Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức từ cty con)	7,897,840,859	16,037,657,220
Tổng thu nhập sau điều chỉnh	45,507,422,727	33,278,188,765
Trong đó, thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản	1,816,768,000	1,748,305,014
Chuyển lỗ năm trước sang	(43,690,654,727)	(31,529,883,751)
Tổng thu nhập chịu thuế quyền sử dụng đất	1,816,768,000	1,748,305,014
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	363,353,600	384,627,103
Lợi nhuận sau thuế TNDN	52,869,404,279	48,563,245,713

VII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản cam kết về thuế hoạt động**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm nay</u>
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	4,171,337,018	4,492,996,364
Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuế hoạt động không hủy ngang với tổng thanh toán như sau:		
Trong niên độ tài chính sau	4,510,784,364	4,498,036,364
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	4,363,636,364
Tổng	4,510,784,364	8,861,672,727

Các khoản thanh toán thuế hoạt động thể hiện tổng số tiền thuế của các hợp đồng sau:

Các hợp đồng thuế:	Thời hạn hợp đồng	Chi phí thuế từng tháng (gồm VAT)
Thuế trạm cấp phát xăng dầu	ngày 01/01/2015 - 31/12/2017	400,000,000
Thuế làm văn phòng	ngày 01/06/2016 - 31/05/2017	22,400,000

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁPSố 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú
TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**Những giao dịch chủ yếu của Công ty với bên liên quan trong năm bao gồm:**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan**

Công ty CP TM DK Cửu Long
 Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp
 Công ty CP VT Xăng dầu Đồng Tháp
 Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà
 Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô
 Cty CP Chín Chín Núi
 Công ty CP Cơ khí Xây Dựng Đồng Tháp
 Công ty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp
 Cty CP Vận tải Dầu khí Mê Kông
 Công ty CP TM Dầu khí Việt
 Công ty CP Du lịch Đồng Tháp
 Công ty CP Vận tải Đường Sông Đồng Tháp
 Công ty CP Môi giới Bảo hiểm Sao Việt
 Công ty CP Vận tải Âu Lạc
 Công ty CP Đầu tư XD Viễn Thông Đồng Tháp
 Công ty CP Thương mại Long Thành

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Đầu tư dài hạn
 Đầu tư dài hạn
 Đầu tư dài hạn

Các giao dịch với các bên liên quan

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
(a) Công ty CP TM DK Cửu Long - Công ty con		-
Bán xăng dầu	2,512,709,947,594	3,186,043,097,911
Bán dịch vụ khác		49,738,068
Cho thuê tài sản	247,636,364	297,272,727
Mua dịch vụ vận chuyển, bơm rót	23,539,716,649	20,891,468,938
Thu cổ tức	1,764,000,000	2,116,800,000
(b) Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp - Công ty con		
Bán xăng dầu	2,117,344,524,501	2,418,364,517,400
Cho thuê tài sản	2,757,381,820	2,480,818,182
Chuyển nhượng QSDĐ	2,567,700,000	
Chi tiền Logo bán hiệu	641,571,000	
Mua xăng dầu - vận chuyển	317,197,353	883,749,057
Thu cổ tức		1,960,000,000

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính**(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)***(c) Công ty CP VT Xăng dầu Đồng Tháp - Công ty con**

Bán xăng dầu	1,404,092,410	1,757,642,990
Mua dịch vụ vận chuyển	31,868,460,176	32,477,239,170
Thu cổ tức	2,674,747,200	3,120,538,400

(d) Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà - Công ty con

Cho thuê tài sản	2,170,909,091	2,172,545,453
Mua dịch vụ nhà hàng, khách sạn	1,740,414,815	1,890,674,822
Thu cổ tức	429,320,000	429,320,000

(e) Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô - Công ty con

Bán xăng dầu	621,760,620,521	875,000,043,662
Cho thuê tài sản	2,182,036,365	1,983,625,445
Thu lãi trả chậm tiền mua xăng dầu		88,826,939
Mua dịch vụ sửa chữa, hỗ trợ logo bảng hiệu và khác	625,825,683	2,001,853,033
Thu cổ tức	1,075,000,000	

(g) Công ty CP Cơ khí Xây Dựng Đồng Tháp - Công ty liên kết

DV sửa chữa, XD tầng TSCĐ, XDCBDD	7,273,620,000	811,446,363
DV sửa chữa, XD tầng CCDC	640,734,413	1,690,501,818
DV sửa chữa, XD khác	640,734,413	2,915,588,727
Thu cổ tức	90,000,000	108,000,000
Bán tài sản		157,272,727

(h) Công ty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp - Công ty liên kết

Bán gas		
Thu lãi trả chậm	1,757,822,067	2,847,133,510
Chuyển nhượng cổ phần	5,856,300,000	
Cho thuê tài sản		10,909,091

(i) Công ty CP Vận tải Mekong - Công ty liên kết

Mua dịch vụ vận chuyển	26,320,801,273	45,294,021,191
Thu bồi thường hao hụt	236,499,802	1,235,100,026

(j) Công ty TNHH Gas Sopet - Công ty liên kết

Cho thuê tài sản	467,645,330	391,321,936
Thu cổ tức	1,010,639,260	326,569,320

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DẦU KHÍ ĐỒNG THÁP

Số 140, Quốc lộ 30, Phường Mỹ Phú

TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu B09-DN*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

(Thể hiện bằng Đồng Việt Nam trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Số dư với các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
(a) Các khoản phải thu		
Công ty CP TM DK Cửu Long	2,459,640,000	3,888,412,315
Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp	14,955,667,285	198,170,732
Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà	-	597,450,000
Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô	3,376,064,388	1,547,977,987
Công ty CP Cơ khí Xây Dựng Đồng Tháp	916,216,316	4,274,648,518
Công ty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp	27,698,725,062	42,768,854,922
Cty TNHH Gas Sopot	514,410,116	430,454,383
(b) Các khoản phải trả		
Công ty CP VT Xăng dầu Đồng Tháp	2,693,592,730	3,439,424,368
Công ty CP Nhiên liệu Tây Đô	104,139,000	1,734,945,336
Công ty CP TM DK Cửu Long	44,810,428,782	
Công ty CP Nhiên liệu Đồng Tháp		18,971,482,890
Công ty CP Vận tải Mekong	455,800,000	4,981
Cty CP Dịch vụ Du lịch Mỹ Trà		138,585,500
Công ty CP Cơ khí Xây Dựng Đồng Tháp	98,405,573	98,405,573
Công ty CP Khí hóa lỏng Đồng Tháp		38,080,000

3. Thông tin về tỷ giá sử dụng:

Tỷ giá sử dụng để qui đổi khi lập báo cáo tài chính:

Ngày 31/12/2015 là 22.540 VND/USD;

Ngày 31/12/2016 là 22.720 VND/USD và 22.790 VND/USD.



PHẠM VĂN BÊN
Người lập biểu



NGUYỄN XUÂN TUYÊN
Kế toán trưởng



LÊ THANH MÂN
Tổng Giám đốc
Ngày 07 tháng 05 năm 2016